

Số: /BVYDCTVP-KD
V/v mời báo giá Thuốc.

Vĩnh Phúc, ngày tháng 6 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi:

- Công ty TNHH dược liệu Hà Nội GMP;
- Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát;
- Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh;
- Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam;
- Công ty cổ phần dược liệu Trường Xuân;
- Công ty CPTM dược VTYT Khải Hà;
- Công ty cổ phần dược phẩm JAFU Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang;
- Công ty Cổ phần Đông Y Dược Thăng Long.

Hiện nay, Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc đang có nhu cầu mua sắm các mặt hàng dược liệu để phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc. Danh mục các mặt hàng dự kiến thực hiện mua sắm từ kết quả trúng thầu tại Quyết định số: 457/QĐ-BVYDCTVP ngày 27/8/2025 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc.

(Thông tin chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Kính đề nghị Quý công ty có khả năng cung ứng các mặt hàng nêu trên với giá không cao hơn giá trúng thầu tham gia báo giá về Bệnh viện theo địa chỉ:

- Khoa Dược, Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc, Đường Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính từ thời điểm phát hành Thư mời đến trước 16h30 ngày 12/6/2026.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành – phường Vĩnh Phúc – tỉnh Phú Thọ.

Số điện thoại cơ quan: 02113.861.057 và gửi file mềm vào e-mail:

khoaduocbvvdctvinhphuc@gmail.com trước ngày 12/6/2026.

Số điện thoại di động: 0989.890.783 (Dược sỹ: Nguyễn Thị Loan, Khoa Dược - Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc).

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc rất mong nhận được sự phối hợp từ phía Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Giám đốc, các PGĐ BV;
- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Thị Thu Hương

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
10	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	Thân	Cắt lát/phoi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	390.00	45,990.00		
11	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Rửa sạch/thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1024/BYT-YDCT	Kg	130.00	134,000.00		
12	Hy thiêm	Herba Siegesbeckia e	Phần trên mặt đất	Toàn thân trên mặt đất đã phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V 65/GCN-YDCT	Kg	390.00	52,500.00		
14	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Fructus Xanthii strumarii	Quả già	Quả già làm sạch/phoi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	94,500.00		
14	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ/rễ	Thân rễ và rễ làm sạch/phoi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	ĐĐVN V-2018	Kg	65.00	1,176,000.00		
15	Mộc qua	Fructus Chaenomelis speciosae	Quả chín	Luộc qua/bổ dọc/phoi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1249/BYT-YDCT; 223/BYT-YDCT; 1767/BYT-YDCT	Kg	260.00	90,000.00		
16	Ngũ gia bì chân chim	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Vỏ thân	Vỏ thân/vỏ cành làm sạch/phoi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	156.00	56,700.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
17	Tang chi	Ramulus Mori albae	Cành non	Cành non được phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	48,300.00		
18	Thiên niên kiện	Rhizoma Homalomenae occulta	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	100,800.00		
19	Uy linh tiên	Radix et Rhizoma Clematidis	Rễ/thân rễ	Rễ/thân rễ phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	65.00	361,200.00		
	IV. Nhóm thuốc trừ hàn											
20	Can khương	Rhizoma Zingiberis	Thân rễ	Rửa sạch, thái phiến, phơi hoặc sấy khô.	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	126,000.00		
21	Đại hồi	Fructus Illicii veri	Quả chín	Quả chín làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	225,960.00		
22	Địa liền	Rhizoma Kaempferiae galangae	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	281,000.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
23	Đinh hương	Flos Syzygii aromatici	Nụ hoa	Nụ hoa làm sạch phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT	Kg	26.00	454,650.00		
	V. Nhóm hồi dương cứu nghịch											
24	Quế nhục	Cortex Cinnamomi	Vỏ thân	Vỏ thân hoặc vỏ cành đã chế biến và phơi khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	101,955.00		
	VI. Nhóm thanh nhiệt giải thử											
25	Hà diệp (Lá sen)	Folium Nelumbinis	Lá	Lá bánh tẻ bỏ cuống làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	26.00	59,850.00		
	VII. Nhóm thanh nhiệt giải độc											
26	Bạch hoa xà thiệt thảo	Herba Hedyotidis diffusae	Toàn cây	Toàn cây làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	39.00	110,250.00		
27	Bồ công anh	Herba Lactucae indicae	Thân mang lá	Toàn cây làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	93,400.00		
28	Diệp hạ châu	Herba Phyllanthi urinariae	Toàn cây	Toàn cây bỏ rễ làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	39.00	55,000.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
36	Cối xay	Herba Abutili indicis	Phần trên mặt đất	Thân cành mang lá làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	130.00	81,900.00		
37	Huyền sâm	Radix Scrophulariae	Rễ	Rửa sạch phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1249/BYT-YDCT; 223/BYT-YDCT; 1767/BYT-YDCT	Kg	65.00	105,000.00		
38	Thạch cao (sống)	Gypsum fibrosum	Khoáng vật thiên nhiên	Khoáng vật thiên nhiên làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	39.00	105,000.00		
39	Tri mẫu	Rhizoma Anemarrhena e	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	13.00	253,050.00		
	IX. Nhóm thanh nhiệt táo thấp											
40	Hoàng cầm	Radix Scutellariae	Rễ	Thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	26.00	260,925.00		
41	Hoàng đằng	Caulis et Radix Fibraureae	Thân rễ	Thân và rễ làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT	Kg	13.00	210,000.00		
42	Khổ sâm	Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis	Lá, cành	Lá và cành làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	65.00	119,700.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
43	Nhân trần	Herba Adenosmatis caerulei	Phần trên mặt đất	Toàn cây làm sạch/phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	75,000.00		
	X. Nhóm thanh nhiệt lương huyết											
44	Bạch mao căn	Rhizoma Imperatae cylindricae	Thân rễ	Rửa sạch phơi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	32.50	126,000.00		
45	Sinh địa	Radix Rehmanniae glutinosae	Rễ củ	Rửa sạch phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	260.00	115,500.00		
46	Thiên hoa phấn	Radix Trichosanthis	Rễ	Rễ bỏ vỏ ngoài/phiến mỏng	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	13.00	166,950.00		
47	Xích thực	Radix Paeoniae	Rễ	Phiến mỏng. khô. Sạch/dày khoảng 3-5mm	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	195.00	273,000.00		
	XII. Nhóm thuốc chỉ khái bình suyễn											
48	Bách bộ	Radix Stemonae tuberosae	Rễ	Rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	39.00	141,750.00		
49	Bạch quả	Semen Ginkginis	Hạt	Rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT.	Kg	6.50	238,350.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
50	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori	Rễ	Rửa sạch/thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	195.00	218,400.00		
51	Kha tử	Fructus Terminaliae chebulae	Quả	Quả làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	13.00	107,940.00		
	XIII. Nhóm thuốc bình can tức phong											
52	Câu đằng	Ramulus cum unco Uncariae	Móc câu	Cắt đoạn có móc/phơi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	195.00	153,300.00		
53	Thiên ma	Rhizoma Gastrodiae elatae	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	130.00	1,153,950.00		
	XIV. Nhóm thuốc an thần											
54	Lạc tiên	Herba Passiflorae	Phần trên mặt đất	Toàn cây bỏ rễ sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	390.00	52,000.00		
55	Linh chi	Ganoderma	Thể quả nấm	Rửa sạch/phơi hoặc sấy khô/thái phiến	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT	Kg	65.00	665,700.00		
56	Phục thần	Poria	Vỏ thể quả nấm	Thể quả nấm làm sạch/khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	39.00	268,800.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
57	Táo nhân	Semen Ziziphi mauritiana	Hạt già	Hạt làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2020/BYT-YDCT	Kg	39.00	541,800.00		
58	Thảo quyết minh	Semen Cassiae torae	Hạt già	Hạt làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	47,985.00		
59	Viễn chí	Radix Polygalae	Rễ	Rút lõi phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	52.00	1,176,000.00		
60	Vông nem	Folium Erythrinae	Lá	Lá làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	89,250.00		
	XV. Nhóm thuốc khai khiếu											
61	Thạch xương bồ	Rhizoma Acori graminei	Thân rễ	Thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	65.00	393,750.00		
	XVI. Nhóm thuốc hành khí											
62	Chỉ thực	Fructus Aurantii immaturus	Quả	Quả non làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	39.00	54,000.00		
63	Chỉ xác	Fructus Aurantii	Quả chưa chín	Thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	62,000.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
64	Hương phụ	Rhizoma Cyperi	Thân rễ	Thuốc phiến khô (mảnh vỡ của thân rễ màu nâu đen)	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT	kg	104.00	85,050.00		
65	Mộc hương	Radix Saussureae lappae	Rễ	Rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	195.00	134,925.00		
66	Ô dược	Radix Linderae	Rễ	Thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	130.00	154,350.00		
67	Sa nhân	Fructus Amomi	Quả	Bỏ vỏ/phơi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	39.00	476,700.00		
68	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Thái sợi/phơi âm can đến khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	136.50	92,000.00		
	XVII. Nhóm thuốc hoạt huyết/khứ ứ											
69	Đào nhân	Semen Pruni	Hạt	Hạt làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	130.00	252,000.00		
70	Hồng hoa	Flos Carthami tinctorii	Hoa	Phơi râm hoặc phơi nắng nhẹ cho khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	130.00	483,000.00		
71	Huyền hồ	Tuber Corydalis	Rễ củ	Rễ củ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	13.00	661,500.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
72	Huyết giác	Lignum Dracaenae cambodianae	Lõi gỗ	Lõi gỗ phần gốc thân đã phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	325.00	187,950.00		
73	Ích mẫu	Herba Leonuri japonici	Phần trên mặt đất	Toàn cây trừ rễ làm sạch/khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	65,100.00		
74	Kê huyết đằng	Caulis Spatholobi	Thân	Thuốc phiến khô (phiến dày khoảng 2mm)	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	390.00	48,300.00		
75	Khuong hoàng/Uất kim	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	130.00	90,930.00		
76	Nga truật	Rhizoma Curcumae zedoariae	Thân rễ	Thân rễ đã phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	83,000.00		
77	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	390.00	164,100.00		
78	Tô mộc	Lignum sappan	Gỗ lõi	Gỗ lõi để nguyên hay chẻ nhỏ được phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	39.00	65,100.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
79	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	260.00	126,000.00		
	XVIII. Nhóm thuốc chỉ huyết											
80	Cỏ nhọ nôi	Herba Ecliptae	Phần trên mặt đất	Thân cắt đoạn dài 2-3cm Phơi/sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	78.00	78,750.00		
81	Hòe hoa	Flos Styphnolobii japonici	Nụ hoa	Nụ hoa làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	142,800.00		
82	Trắc bách diệp	Cacumen Platycladi	Cành non/lá	Phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	26.00	105,000.00		
	XIX. Nhóm thuốc thẩm thấp lợi thủy											
83	Bạch linh (Phục linh/Bạch phục linh)	Poria	Thẻ quả nấm	Gọt vỏ thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	130.00	140,700.00		
84	Kim tiền thảo	Herba Desmodii styracifolii	Phần trên mặt đất	Toàn cây trên mặt đất làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	195.00	60,000.00		
85	Mộc thông	Caulis Clematidis	Thân cây	Làm sạch/phơi hay sấy khô/thái phiến	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	260.00	78,750.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
86	Trạch tả	Rhizoma Alismatis	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	286.00	100,800.00		
87	Tỳ giải	Rhizoma Dioscoreae	Thân rễ	Thân rễ phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	115,500.00		
88	Xa tiền tử	Semen Plantaginis	Hạt	Hạt làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	ĐĐVN V-2018	Kg	65.00	184,800.00		
89	Ý dĩ	Semen Coicis	Hạt	Hạt làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	130.00	89,985.00		
	XXI. Thuốc tả hạ/nhuận hạ											
90	Đại hoàng	Rhizoma Rhei	Thân rễ	Rửa sạch/cạo vỏ/thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	ĐĐVN V-2018	Kg	1300.00	156,450.00		
	XXII. Nhóm thuốc hóa thấp tiêu đạo											
91	Lá khôi	Folium Ardisiae	Lá	Lá làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	288,400.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
92	Mạch nha	Fructus Hordei germinatus	Quả chín	Quả chín nảy mầm làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	3348/BYT-YDCT	Kg	39.00	59,850.00		
93	Ô tặc cốt	Os Sepiae	Mai mực	Mai mực làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	kg	26.00	294,000.00		
94	Son tra	Fructus Mali	Quả chín	Thái phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	130.00	73,000.00		
95	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	8126/BYT-YDCT; 4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	26.00	357,000.00		
	XXIII. Nhóm thuốc thu liễm/cố sáp											
96	Liên nhục	Semen Nelumbinis	Hạt	Hạt còn màng mỏng làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	65.00	105,000.00		
97	Mẫu lệ	Concha Ostreae	Vỏ thân	Vỏ hàu/hà làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	13.00	74,550.00		
98	Ngũ vị tử	Fructus Schisandrae	Quả	Quả chín làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	130.00	304,500.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
99	Son thù	Fructus Corni officinalis	Quả chín	Quả chín đã bỏ hạt phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	195.00	222,810.00		
	XXV. Nhóm thuốc bổ huyết											
100	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ	Rửa sạch/phơi sấy khô/thái phiến	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	195.00	289,800.00		
101	Đương quy	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1438/BYT-YDCT	Kg	1040.00	438,000.00		
102	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopieae multiflorae	Rễ củ	Rễ củ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	195.00	200,000.00		
103	Long nhãn	Arillus Longan	Cùi quả	Cùi nhãn làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	130.00	241,500.00		
104	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ củ	Sơ chế	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; 426/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	195.00	189,000.00		
	XXVI. Nhóm thuốc bổ âm											
105	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	Quả chín	Quả chín phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	260.00	193,200.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
106	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Rễ củ	Rễ củ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	10658/BYT-YDCT; 610/BYT-YDCT; 271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	260.00	349,965.00		
107	Sa sâm	Radix Glehniae	Rễ	Rửa sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	39.00	304,500.00		
	XXVII. Nhóm thuốc bổ dương											
108	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Rễ củ	Bỏ lõi/cắt đoạn/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	260.00	577,500.00		
109	Cẩu tích	Rhizoma Cibotii	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	260.00	69,300.00		
110	Cốt toái bồ	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Thân rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	195.00	136,500.00		
111	Dâm dương hoắc	Herba Epimedii	Phần trên mặt đất	Toàn cây trên mặt đất làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	39.00	321,930.00		
112	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	Vỏ thân làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	390.00	136,500.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
113	Ích trí nhân	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Quả chín	Quả chín làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4271/BYT-YDCT; 7570/BYT-YDCT;	Kg	13.00	325,920.00		
114	Phá cố chỉ (Bồ cốt chỉ)	Fructus Psoraleae corylifoliae	Quả	Quả chín làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4980/BYT-YDCT; 352/BYT-YDCT	Kg	13.00	131,250.00		
115	Tục đoạn	Radix Dipsaci	Rễ	Rễ làm sạch/phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	4669/BYT-YDCT; ĐĐVN V	Kg	325.00	168,000.00		
	XXVIII. Nhóm thuốc bổ khí											
116	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Rửa sạch/phơi sấy khô/thái phiến	Nhóm 3	Trung Quốc	2201/BYT-YDCT	Kg	260.00	304,500.00		
117	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Rễ/thân rễ	Rễ làm sạch/phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	ĐĐVN V-2018	Kg	390.00	147,000.00		
118	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	Quả chín	Quả chín phơi hay sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	ĐĐVN V-2018	Kg	780.00	84,000.00		
119	Đảng sâm	Radix Codonopsis	Rễ	Cắt đoạn ngắn 2-3cm/phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1249/BYT-YDCT; 223/BYT-YDCT; 1767/BYT-YDCT	Kg	650.00	530,000.00		
120	Đinh lăng	Radix Polysciacis	Rễ	Rễ làm sạch/khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	195.00	168,000.00		

STT	Tên hàng hóa	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Phân nhóm	Nguồn gốc	Số ĐKLH/GPNK/Số công bố TCCL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá báo giá (VND)	Ghi chú
121	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Rễ củ làm sạch/sấy khô	Nhóm 3	Việt Nam	ĐĐVN V	Kg	390.00	102,000.00		
122	Hoàng kỳ	Radix Astragali membranacei	Rễ	Rửa sạch phơi sấy khô	Nhóm 3	Trung Quốc	1249/BYT-YDCT; 223/BYT-YDCT; 1767/BYT-YDCT	Kg	650.00	164,000.00		

(Số tiền bằng chữ.....)

Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí và lệ phí (nếu có). Báo giá có hiệu lực tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Trân trọng./.

Đại diện của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)